

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 10 /2022/TCDS- ST
Ngày: 11- 5- 2022.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vân
Ông Đỗ Văn Ngôn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 53/2021/TLST- TCDS ngày 04/11/2021 về “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX ST- TCDS ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST/TCDS ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị L, sinh năm 1982 (có mặt);
Cư trú tại: Thôn T1, xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Cư trú tại: Thôn Th, xã T3, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn T1, xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Tạ Thị L trình bày: Vợ chồng chị quen anh T vì cùng trong hội lái xe Bắc Giang. Ngày 17 tháng 5 năm 2020, anh T vay tiền vợ chồng chị, vay tiền để thu mua phế liệu và lấy vốn làm ăn. Vợ chồng chị đồng ý cho anh T vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay hai bên viết giấy biên nhận, thời hạn vay đến ngày 30/5/2020, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Anh T trực tiếp viết giấy biên nhận

và ký vào giấy. Đến hạn, anh T không trả vợ chồng chị tiền vay. Vợ chồng chị nhiều lần điện thoại và trực tiếp đến nhà anh T yêu cầu trả nhưng anh T đều khất nợ. Số tiền anh T vay là tài sản chung của vợ chồng. Việc anh T vay tiền của vợ chồng chị, vợ anh T không nắm được. Nay chị yêu cầu cá nhân anh T trả số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Chị không yêu cầu vợ anh T trả tiền nợ.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày: Anh và chị L là chỗ quen biết, ngày 29/8/2019 anh và chị L chung vốn làm ăn, chị L góp vốn số tiền là 300.000.000 đồng. Sau đó chồng chị L yêu cầu anh viết giấy biên nhận ghi ngày 17/5/2020 với nội dung anh vay của chị L số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 30/5/2020, không có lãi suất, giấy biên nhận chị L suất trình là do anh viết. Đến hạn anh đã trả cho chị L 1 số, nhưng anh không nhớ, anh sẽ xuất trình giấy tờ chiều ngày 27/12/2021. Nay chị L yêu cầu anh trả 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, anh không đồng ý. Anh đồng ý trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng cho vay thời gian từ ngày 29/8/2019 đến nay. Việc vay tiền của chị L anh sử dụng vào việc cá nhân, không phục vụ cho sinh hoạt gia đình, vợ anh không biết.

Anh Nguyễn Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh là chồng chị L, anh nhất trí với ý kiến của vợ anh. Anh xác định số tiền chị L cho anh T vay là tài sản chung của vợ chồng. Anh đồng ý với yêu cầu của chị L về việc yêu cầu anh T trả số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/5/2020 đến nay và không yêu cầu vợ anh T trả tiền vay.

Tại phiên tòa mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật, nhưng chị Tạ Thị L là nguyên đơn xác định việc anh T vay tiền của vợ chồng chị, vợ anh T không biết, nay chị yêu cầu cá nhân anh T trả số tiền còn nợ là 400.000.0000 đồng, chị không yêu cầu vợ anh T cùng trả và chị không yêu cầu anh T trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Anh Nguyễn Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu của chị L. Anh không yêu cầu anh T trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không yêu cầu vợ anh T trả số tiền vay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Văn T trả chị Tạ Thị L và anh Nguyễn

Văn H 400.000.000 đồng.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả chi Lành tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Chị Tạ Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp dân sự, các bên không tự giải quyết được. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn cư trú tại: Thôn Th, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về thời hiệu:* Ngày 17 tháng 5 năm 2020, anh T vay tiền của vợ chồng chị L và anh H, thời hạn vay đến ngày 30/5/2020. Đến hạn anh T không trả vợ chồng chị L, anh H tiền vay. Ngày 27 tháng 10 năm 2021, chị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện V, căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 anh vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 400.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào bản gốc giấy vay tiền ghi ngày 17/5/2020; căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, có đủ căn cứ xác định: Ngày 17 tháng 5 năm 2020, anh Nguyễn Văn T vay của chị Tạ Thị L số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/5/2020 là có thật. Đến hạn anh T không trả tiền tiền vay, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nay chị L khởi kiện yêu cầu T trả số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp với các Điều 463, 466, của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Số tiền 400.000.000 đồng chị L cho anh T vay là tài sản chung của vợ chồng chị L và anh H. Căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử buộc anh T trả tiền vay cho chị L và anh H.

[2.2] Anh Nguyễn Văn T là bị đơn xác định số tiền anh nợ của chị L là 300.000.000 đồng là tiền góp vốn, anh đã trả được 1 phần nhưng không nhớ là bao nhiêu. Anh xác định giấy biên nhận do chị L xuất trình cho Tòa án là do anh viết Tòa án yêu cầu anh xuất trình chứng cứ, anh không xuất trình được. Tòa án giao Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh không có mặt. Do đó lời khai của anh T không có căn cứ.

[2.3] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa các đương sự trong vụ án không thỏa

thuận được lãi suất chậm thi hành án.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Nguyễn Văn T trả chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Văn H số tiền gốc là 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*).

2. *Về án phí*:

2.1. Chị Tạ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả chị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 (mười triệu đồng) theo biên lai số 0006039 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

2.2. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án*:

- *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP.

Bùi Thị Hương

\